

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện
Taya (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008

Do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp
 Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Yen Huang	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Yen Huang	Tổng Giám đốc
	Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được đề cập ở đoạn Loại trừ, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính. Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính trình bày ảnh hưởng nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng các quy định của CMKT 10.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 09-01-152

Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		405.156.004	415.870.230
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	123.482.055	35.113.099
Đầu tư ngắn hạn	120		-	30.720.000
Các khoản phải thu	130	4	103.055.334	112.504.681
Phải thu thương mại	131		102.279.929	138.547.183
Trả trước cho người bán	132		1.304.546	196.394
Phải thu khác	135		363.229	124.773
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(892.370)	(26.363.669)
Hàng tồn kho	140	5	176.332.932	236.423.197
Hàng tồn kho	141		180.909.706	368.868.202
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.576.774)	(132.445.005)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.285.683	1.109.253
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		953.519	441.888
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		118.355	342.124
Thuế thu nhập đã nộp	154		1.162.975	271.818
Tài sản ngắn hạn khác	158		50.834	53.423
Tài sản dài hạn	200		206.046.856	244.735.392
Tài sản cố định	220		201.243.361	230.846.852
Tài sản cố định hữu hình	221	6	201.243.361	229.395.251
<i>Nguyên giá</i>	222		422.931.033	418.204.817
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(221.687.672)	(188.809.566)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	-	1.451.601
Đầu tư dài hạn	250		42.400	42.400
Đầu tư dài hạn khác	258		42.400	42.400
Tài sản dài hạn khác	260		4.761.095	13.846.140
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.052.339	4.497.198
Tài sản thuế hoãn lại	262	9	1.708.756	9.348.942
TỔNG TÀI SẢN	270		611.202.860	660.605.622

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		421.448.475	462.050.307
Nợ ngắn hạn	310		415.566.978	441.272.770
Vay ngắn hạn	311	10	359.724.571	411.025.406
Phải trả thương mại	312	11	40.989.311	9.461.180
Người mua trả tiền trước	313		4.950.592	11.397.922
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	4.017.544	3.883.420
Phải trả công nhân viên	315		4.339.566	3.791.913
Chi phí phải trả	316		1.401.501	1.690.855
Phải trả khác	319	13	143.893	22.074
Vay và nợ dài hạn	330		5.881.497	20.777.537
Vay dài hạn	334	14	5.470.891	17.316.024
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	410.606	3.461.513
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.754.385	198.555.315
Vốn chủ sở hữu	410		189.754.385	198.555.315
Vốn cổ phần	411	16	279.013.771	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ	412	16	(272.840)	(272.840)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(11.546.306)	-
Quỹ và dự trữ	417	17	21.141.803	21.141.803
Lỗi lũy kế	420		(98.582.043)	(101.327.419)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		611.202.860	660.605.622

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	18	753.734.877	1.186.256.463
Các khoản giảm trừ	02	18	(1.804.650)	(2.584.926)
Doanh thu thuần	10		751.930.227	1.183.671.537
Giá vốn hàng bán	11	19	(662.484.714)	(1.197.613.300)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	20		89.445.513	(13.941.763)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	13.198.179	15.412.485
Chi phí hoạt động tài chính	22	21	(57.436.189)	(75.856.340)
Chi phí bán hàng	24		(17.592.249)	(19.503.583)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(21.249.669)	(24.859.109)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.365.585	(118.748.310)
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	22	4.837.916	5.820.734
Chi phí khác	32	23	(817.939)	(3.847)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		10.385.562	(112.931.423)
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	24	-	(1.188.906)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	24	(7.640.186)	6.115.518
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	60		2.745.376	(108.004.811)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	25	0.098	(3.872)

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ'000	Quỹ và dự trữ VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	265.735.481	(272.840)	-	19.881.760	21.215.725	306.560.126
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	13.278.290	-	-	-	(13.278.290)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	-	1.260.043	(1.260.043)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(108.004.811)	(108.004.811)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(101.327.419)	198.555.315
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(11.546.306)	-	-	(11.546.306)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.745.376	2.745.376
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	279.013.771	(272.840)	(11.546.306)	21.141.803	(98.582.043)	189.754.385

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung-Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		10.385.562	(112.931.423)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.390.036	37.185.579
Dự phòng	03		4.779.023	127.493.183
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		1.142.983	11.625.269
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		-	(85.389)
Chi phí lãi vay	06		17.305.563	28.637.537
Thu lãi tiền gửi	07		(4.075.240)	(10.460.920)
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		63.927.927	81.463.836
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		9.922.426	143.317.664
Biến động hàng tồn kho	10		55.831.702	77.798.691
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		22.871.500	(118.277.586)
Biến động chi phí trả trước	12		(67.071)	(2.771.181)
			152.486.484	181.531.424
Lãi vay đã trả	13		(17.616.495)	(28.811.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(891.157)	(357.680)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		133.978.832	152.362.426
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.274.615)	(10.020.014)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	1.389.318
Đầu tư ngắn hạn	25		30.720.000	(30.720.000)
Thu lãi tiền gửi	27		2.796.428	10.460.920
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		30.241.813	(28.889.776)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ các khoản vay	33		552.588.266	964.145.817
Hoàn trả các khoản vay	34		(628.439.955)	(1.091.488.857)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(75.851.689)	(127.343.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		88.368.956	(3.870.390)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		35.113.099	38.983.489
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	123.482.055	35.113.099

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị lập báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có 473 nhân viên (31/12/2008: 503 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tài sản và công nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá qui định tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và công nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá qui định tại ngày giao dịch:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Trụ sở chính, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Trụ sở chính bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Trụ sở chính bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi Trụ sở chính bị lỗ trong năm thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để Công ty không bị lỗ trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 (“VAS 10”) đối với các giao dịch bằng ngoại tệ – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 11.546.306.000 VNĐ dẫn đến khoản lỗ là 8.800.930.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(j) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế này liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm theo thuế suất được ban hành hoặc cơ bản ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hay lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền mặt	1.119.589	5.821.799
Tiền gửi ngân hàng	39.062.466	18.291.300
Các khoản tương đương tiền	83.300.000	11.000.000
	123.482.055	35.113.099

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền khác VNĐ tương đương 2.415 triệu VNĐ (31/12/2008: 1.965 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Số dư đầu năm	26.363.669	26.263.364
Tăng dự phòng trong năm	520.460	211.275
Sử dụng dự phòng trong năm	(25.991.759)	(110.970)
Số dư cuối năm	892.370	26.363.669

5. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Hàng mua đang đi đường	32.372.969	6.438.274
Nguyên vật liệu	41.166.135	126.036.057
Sản phẩm dở dang	46.081.019	126.118.100
Thành phẩm	61.289.583	110.275.771
	180.909.706	368.868.202
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.576.774)	(132.445.005)
	176.332.932	236.423.197

Biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Số dư đầu năm	132.445.005	6.197.298
Tăng dự phòng trong năm	4.258.563	126.247.707
Sử dụng dự phòng trong năm	(132.126.794)	-
Số dư cuối năm	4.576.774	132.445.005

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tài sản khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	143.874.585	257.658.186	8.184.475	2.720.213	5.767.358	418.204.817
Tăng trong năm	331.818	610.439	448.154	147.219	36.299	1.573.929
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	414.800	819.902	-	-	1.917.585	3.152.287
Số dư cuối năm	144.621.203	259.088.527	8.632.629	2.867.432	7.721.242	422.931.033
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	42.678.544	134.869.221	6.256.731	1.681.081	3.323.989	188.809.566
Khấu hao trong năm	7.474.265	23.032.985	965.665	316.334	1.088.857	32.878.106
Số dư cuối năm	50.152.809	157.902.206	7.222.396	1.997.415	4.412.846	221.687.672
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	94.468.394	101.186.321	1.410.233	870.017	3.308.396	201.243.361
Số dư đầu năm	101.196.041	122.788.965	1.927.744	1.039.132	2.443.369	229.395.251

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 77.355 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 51.114 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 80.154 triệu VNĐ (31/12/2008: 109.617 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

7. Xây dựng cơ bản dở dang

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Số dư đầu năm	1.451.601	1.368.701
Tăng trong năm	1.700.686	6.442.718
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.152.287)	(6.359.818)
	-	1.451.601

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ gôn VNĐ'000	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư đầu năm	1.936.546	2.560.652	4.497.198
Tăng trong năm	-	67.071	67.071
Phân bổ trong năm	(56.848)	(1.455.082)	(1.511.930)
Số dư cuối năm	1.879.698	1.172.641	3.052.339

9. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Tài sản cố định	165.877	62.204
Dự phòng	716.854	8.099.849
Lỗi tính thuế mang sang được ghi nhận	565.747	565.747
Khác	260.278	621.142
Tổng tài sản thuế hoãn lại	1.708.756	9.348.942

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Vay ngắn hạn	346.896.853	392.916.434
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)	12.827.718	18.108.972
	359.724.571	411.025.406

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR+1,15%	9.915.560	75.583.325
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội (b)	10.000.000 USD	SIBOR+1,15% hoặc 1.25%	5.595.773	27.257.765
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	6.000.000 USD	SIBOR+1,15%	61.431.579	50.266.514
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD 1.200.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1% SIBOR 6 tháng + 1%	52.127.074 20.115.475	18.347.362 -
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	USD2.000.000	SIBOR 6 tháng + 1,15%	3.588.200	23.490.872
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	5.521.646	49.740.821
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.800.000 USD	SIBOR+1%	90.457.085	42.283.226

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương (c)	3.700.000 USD	6,3%	12.301.051	48.899.030
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	53.626.762	50.072.957
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Hà Nội (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	26.388.254	6.974.562
Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải (b)	1.000.000 USD	SIBOR + 1%	5.828.394	-
			346.896.853	392.916.434
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)			12.827.718	18.108.972
Tổng			359.724.571	411.025.406

- Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh 2 khoản tín dụng mỗi khoản 3.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương không được bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

11. Phải trả thương mại

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải trả Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan	32.374.936	6.504.670

Khoản thương mại phải trả cho Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan không được bảo đảm, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế giá trị gia tăng	3.711.778	3.465.812
Thuế nhập khẩu	106.643	14.964
Thuế thu nhập cá nhân	199.123	402.644
	4.017.544	3.883.420

13. Phải trả khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Bảo hiểm xã hội	42.854	1.048
Phải trả khác	101.039	21.026
	143.893	22.074

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

14. Vay dài hạn

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (a)	2.741.880 USD	SIBOR 6 tháng +1,15%	16.413.307	25.886.297
Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000 USD	SIBOR 3 tháng +1,30%	-	4.184.502
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.600.000 USD	SIBOR+1,25%	1.885.302	5.354.197
			18.298.609	35,424,996
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 10)			(12.827.718)	(18.108.972)
			5.470.891	17.316.024

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai được bảo đảm bằng nhà xưởng mới tại trụ sở chính của Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 53.929 triệu VNĐ (31/12/2008: 58.994 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ ngày 8 tháng 5 năm 2008.
- b. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị của chi nhánh của Công ty tại Tỉnh Hải Dương, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 26.225 triệu VNĐ (31/12/2008: 37.107 triệu VNĐ). Các máy móc và thiết bị này cũng được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này. Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ tháng 12 năm 2008.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ'000
Số dư đầu năm	3.461.513
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.050.907)
Số dư cuối năm	410.606

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.771	27.901.377	279.013.771
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.771	27.901.377	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840)	(9.363)	(272.840)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.931	27.892.014	278.740.931

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	27.892.014	278.740.931	26.564.185	265.462.641
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	-	1.327.829	13.278.290
Số dư cuối năm	27.892.014	278.740.931	27.892.014	278.740.931

17. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	753.734.877	1.186.256.463
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.804.650)	(2.584.926)
Doanh thu thuần	751.930.227	1.183.671.537

19. Giá vốn hàng bán

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	658.226.151	1.071.365.593
▪ Dự phòng hàng tồn kho	4.258.563	126.247.707
	662.484.714	1.197.613.300

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Thu lãi tiền gửi	4.075.240	10.460.920
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.122.939	4.951.565
	13.198.179	15.412.485

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

21. Chi phí hoạt động tài chính

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Chi phí lãi vay	17.305.563	28.637.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.130.626	47.218.803
	57.436.189	75.856.340

22. Thu nhập khác

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	85.389
Thu nhập khác	4.837.916	5.735.345
	4.837.916	5.820.734

23. Chi phí khác

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Chi phí khác	817.939	3.847
	817.939	3.847

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	-	1.188.906
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	7.640.186	(6.115.518)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	7.640.186	(4.926.612)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.385.562	(112.931.423)
Thuế theo thuế suất Công ty	1.557.834	(16.939.713)
Chi phí không được khấu trừ thuế	509.686	565.165
	2.067.520	(16.374.548)
Ảnh hưởng của miễn thuế	(171.487)	-
Ảnh hưởng của giảm trừ thuế suất	-	4.926.612
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	5.744.153	6.521.324
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	7.640.186	(4.926.612)

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn rằng Công ty sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

Lỗ tính thuế hết hạn trong các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế VNĐ'000
2013	Chưa quyết toán	40.297.066
2014	Chưa quyết toán	2.126.731

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế. Trụ sở chính được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007 và 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

25. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên lãi/(lỗ) thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	2.745.376	(108.004.811)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.745.376	(108.004.811)

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2009	2008
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	27.892.014	26.564.185
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2008	-	1.327.829
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty cũng có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co Ltd., các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và chiết khấu kinh doanh trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Ban Giám đốc	4.051.395	1.324.448
Hội đồng Quản trị	1.072.360	-
	5.123.755	1.324.448

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya				
Mua nguyên vật liệu	467.011.098	903.116.907	32.374.936	6.466.092
Phí bản quyền	877.884	1.271.727	69.012	38.578

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taiwan Electric Wire and Cable Co Ltd., (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Taya. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1 % trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

27. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trong vòng một năm	2.505.450	2.370.837
Trong vòng từ hai đến năm năm	10.021.800	9.483.311
Trên năm năm	69.342.573	68.237.155
	81.869.823	80.091.303

Chi phí thuê hàng năm bao gồm phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê hàng năm tối thiểu là 105.247 Đô la Mỹ bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty ở tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	607.141.603	960.571.265
Chi phí nhân công bao gồm trong chi phí sản xuất	31.874.346	34.562.882
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.390.036	37.185.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.858.122	22.635.284
Các chi phí khác	30.623.897	26.203.784

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc